

Số: 52 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 03 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 và triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2020 (tính đến ngày 31/01/2020)

I. KẾ HOẠCH NĂM 2019

1. Kết quả thực hiện kế hoạch

Kế hoạch vốn năm 2019 theo Nghị quyết HĐND tỉnh là 5.582.561 triệu đồng, UBND tỉnh triển khai giao chi tiết là 5.582.561 triệu đồng, đạt 100% so Nghị quyết HĐND giao. Đến hết ngày 31/01/2020, thực hiện giá trị khối lượng hoàn thành là 4.864.208 triệu đồng, đạt 87,13% kế hoạch; giá trị giải ngân là 4.863.583 triệu đồng, đạt 87,12% kế hoạch, tăng 13,33% so cùng kỳ năm 2018, tăng 2,95% so với báo cáo HĐND tỉnh là dự kiến giải ngân kế hoạch năm 2019 đạt 84,17% kế hoạch (chi tiết kèm Phụ lục I, II).

Trong năm, đã bố trí kế hoạch đầu tư cho 677 dự án, bao gồm: Trả nợ 65 dự án (69.288 triệu đồng), chuyển tiếp 371 dự án (3.130.070 triệu đồng) và bố trí mới 241 dự án (2.383.203 triệu đồng), trong đó có 24 dự án trọng điểm (với tổng vốn 1.819.013 triệu đồng). Đến nay, các dự án/công trình trọng điểm được đầu tư xây dựng đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, như: Trung tâm y học hạt nhân và xạ trị (thuộc Bệnh viện Ung Bướu tỉnh); Bệnh viện Tâm thần tỉnh; đường Dương Đông - Bãi Thơm; đường Trung tâm đoạn 1 - Bãi trường; nâng cấp các tuyến đường nội ô - thành phố Hà Tiên; đường kênh Chung Bàu - Tân Hiệp; hoàn thành 08/37 hệ thống công phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt (đang thi công 11 cống và 18 cống đang làm các thủ tục đầu tư trong năm 2020). Hoàn thành 392/382 km đường giao thông nông thôn, đạt 102,6% so với kế hoạch, nâng tổng số km đường GTNT trên địa bàn tỉnh được cứng hóa là 5.977km/7.084 km, đạt 84,37% (chỉ tiêu Nghị quyết đạt 80%), vượt 4,37%; hoàn thành đưa vào sử dụng 54/65 trung tâm văn hóa xã góp phần đưa các xã đạt chuẩn nông thôn mới¹.

Công tác đấu thầu cơ bản đã tuân thủ các quy định hiện hành, qua các lớp tập huấn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ làm công tác đấu thầu được

¹ Năm 2019, có 17 xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 141,7% kế hoạch năm; đến hết năm 2019 toàn tỉnh có 68/117 xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới chiếm 58,1% và huyện Tân Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới (theo Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh là 59 xã và 01 huyện), bình quân toàn tỉnh đạt 16,99 tiêu chí/xã.



nâng lên. Công tác đấu thầu qua mạng được tăng cường với 214/235 gói thầu được thực hiện theo hình thức đấu thầu qua mạng, đạt 91,06% kế hoạch năm.

Trong năm đã thực hiện 04 cuộc thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước tại 04 đơn vị² theo kế hoạch với 17 hồ sơ dự án/công trình và 03 cuộc kiểm tra công tác đấu thầu và giám sát đánh giá đầu tư tại 03 đơn vị³ theo kế hoạch với 28 hồ sơ dự án/công trình. Qua đó góp phần chấn chỉnh, khắc phục kịp thời các tồn tại hạn chế, thiếu sót của các đơn vị được giao quản lý sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các chủ đầu tư dự án (thu hồi nộp ngân sách nhà nước 943,6 triệu đồng, xuất toán 865,5 triệu đồng); giúp tăng cường năng lực quản lý, điều hành dự án, quản lý vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

Đã thành lập Đoàn công tác liên ngành kiểm tra, chấn chỉnh và đẩy nhanh tiến độ việc thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đã tổ chức 84 cuộc làm việc (gồm 04 đợt) theo kế hoạch với các Sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư. Đã kịp thời hướng dẫn, xử lý các khó khăn, vướng mắc kịp thời, đồng thời liên tục rà soát tiến độ kế hoạch thực hiện, tiến độ giải ngân để hướng dẫn các quy trình điều chỉnh, tăng, giảm kế hoạch vốn cho phù hợp tiến độ của từng đơn vị. Kết quả trong năm đã điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công theo thẩm quyền (HĐND tỉnh điều chỉnh 04 đợt, UBND tỉnh điều chỉnh 06 đợt), đã điều chuyển tăng/giảm vốn đối với 243 danh mục công trình/dự án, với tổng số vốn điều chỉnh tăng/giảm là 320.317 triệu đồng, góp phần nâng giá trị giải ngân kế hoạch đầu tư công toàn tỉnh so ước kế hoạch thực hiện.

Kế hoạch đầu tư công năm 2018 chuyển nguồn và kéo dài là 1.348.771 triệu đồng, giải ngân đến 31/12/2019 là 1.148.156 triệu đồng, đạt 85,13% kế hoạch; số vốn còn lại không giải ngân được đến hết ngày 31/12/2019 là 200.615 triệu đồng (*chi tiết kèm Phụ lục III, Phụ lục IV*).

2. Nhận xét, đánh giá

2.1. Thuận lợi

Được sự quan tâm tăng cường công tác phối hợp trong chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. Nhất là HĐND tỉnh trong năm đã tổ chức thêm 03 kỳ họp bất thường (ngoài 02 kỳ họp lệ) để giải quyết những nội dung cần thiết nhằm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; kịp thời bổ sung các dự án cấp bách, trọng điểm nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư của nguồn vốn trung hạn. Bên cạnh đó, tỉnh cũng được sự quan tâm hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương trong quá trình điều chỉnh kế hoạch đầu tư công, cũng như kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn để địa phương được thuận lợi trong công tác chỉ đạo, điều hành.

² Huyện Vĩnh Thuận, thành phố Hà Tiên, thành phố Rạch Giá, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

³ Huyện An Biên, huyện Hòn Đất, BQL dự án ĐTXD chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh.

UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, bằng nhiều giải pháp để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các chủ đầu tư, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành và giải ngân kế hoạch vốn. Danh mục chi tiết kế hoạch đầu tư công được giao ngay từ đầu năm. Tổ chức sơ kết 6 tháng, 10 tháng và thường xuyên làm việc trực tiếp với các Sở, ban ngành, địa phương, các chủ đầu tư dự án có tỷ lệ giải ngân vốn thấp, các công trình/dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, UBND tỉnh thường xuyên cho ý kiến xử lý các vấn đề phát sinh của các Sở, ban ngành, địa phương, các chủ đầu tư trong các cuộc họp thường kỳ hàng tháng.

Ngay từ đầu năm UBND tỉnh ban hành Chỉ thị⁴ để chỉ đạo thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 trên địa bàn tỉnh, trong đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể; công tác điều hành của một số Sở, ban ngành, địa phương và chủ đầu tư có chuyển biến tích cực, quan tâm chỉ đạo; đã tập trung tổ chức đấu thầu triển khai thi công các công trình mới; quản lý chất lượng công trình được nâng lên, qua đó một số đơn vị triển khai thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đạt tốt⁵ cần được tuyên dương.

2.2. Khó khăn, hạn chế

Một số Sở, ban ngành, địa phương và chủ đầu tư chưa thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND tỉnh cũng như các giải pháp đã đề ra; việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch của các đơn vị chưa bám sát tình hình thực tế công trình nên giá trị giải ngân kế hoạch chưa đạt yêu cầu (mặc dù có cam kết nhưng vẫn không đảm bảo) nên ảnh hưởng đến kế hoạch chung của toàn tỉnh không đạt theo Chỉ thị đề ra (trên 95%). Một số công trình trọng điểm không hoàn thành đúng kế hoạch đề ra như: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang 1.020 giường, Bệnh viện Ung Bướu, Bệnh viện Sản - Nhi, Trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật và Bảo tồn di sản văn hóa tỉnh Kiên Giang,...

Công tác lập kế hoạch vốn của một số đơn vị chưa sát thực tế và khả năng thực hiện từng dự án (chưa có mặt bằng, chưa đủ hồ sơ, thủ tục nhưng vẫn đăng ký và giao kế hoạch vốn), dẫn đến thừa vốn phải đề nghị điều chỉnh vốn. Một số đơn vị có cam kết giải ngân đúng tiến độ nhưng khi triển khai thực hiện vướng thủ tục hồ sơ phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế - dự toán (*chi tiết kèm Phụ lục V*); trong quá trình đấu thầu có kiến nghị, khiếu nại kéo dài; vướng giải phóng mặt bằng phải họp xử lý nhiều lần... dẫn đến kết quả giải ngân không đạt theo kế hoạch cam kết⁶.

⁴ Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 26/3/2019 về thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

⁵ Sở Du lịch (100%), Trường Cao đẳng Su phạm (100%), Sở Giao thông vận tải (99,83%), BQL Khu Kinh tế tỉnh (99,75%), Trường Cao đẳng Nghề (99,23%), Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị (98,63%), Công an tỉnh (96,54%), Chỉ cục Quản lý Thị trường (96,1%), huyện Châu Thành (95,63%).

⁶ Vườn Quốc gia Phú Quốc (28,55%), Sở Tài nguyên và Môi trường (34,38%), Ban thực hiện Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch (GMS) (52,07%), Sở Tư pháp (53%), Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (54,34%), các huyện: Kiên Lương (82,84%), Gò Quao (84,71%), thành phố Rạch Giá (85,56%).

Kế hoạch vốn đã giao ngay từ đầu năm nhưng các địa phương đều chậm ban hành quyết định phân khai danh mục chi tiết các công trình giao thông nông thôn. Một số địa phương, đơn vị chưa quyết liệt trong công tác giải phóng mặt bằng; việc xác định giá đất vẫn còn một số vướng mắc.

Công tác đấu thầu ở một số đơn vị chưa được thực hiện nghiêm, việc đấu thầu, lựa chọn nhà thầu ở một số gói thầu chưa chặt chẽ, minh bạch, chưa chấp hành Chỉ thị số 47/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ⁷. Một số đơn vị đến nay chưa đăng ký đấu thầu qua mạng, tỷ lệ thực hiện đấu thầu qua mạng còn thấp, chưa đáp ứng lộ trình theo kế hoạch.

Tiến độ thi công các công trình chuyển tiếp còn chậm, nhiều công trình chuyển tiếp đã có khối lượng hoàn thành nhưng chậm nghiệm thu hoặc lập hồ sơ thanh, quyết toán. Công tác quyết toán hoàn thành chưa thực hiện đúng thời gian, thường vượt thời gian quy định, nhiều dự án kéo dài trên 12 tháng làm ảnh hưởng đến việc bố trí vốn kế hoạch hoặc phải chuyển nguồn vốn sang năm sau.

Một số đơn vị chưa tuân thủ và báo cáo theo định kỳ hàng tháng; chưa xây dựng tiến độ thực hiện công trình, dự án và cam kết giải ngân theo tiến độ; công tác giám sát, đánh giá đầu tư chưa được quan tâm, báo cáo theo quy định.

Một số chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án (BQLDA) vẫn giao thầu tư vấn lập dự án, thiết kế, giám sát, nhà thầu thi công nhiều công trình cùng thời điểm, nên không đáp ứng về nhân lực, tài chính, trang thiết bị, dẫn đến lập hồ sơ không đạt chất lượng, phải chỉnh sửa nhiều lần, không bám hiện trường để xử lý kịp thời những phát sinh, xử lý kỹ thuật, xác nhận nghiệm thu khối lượng hoàn thành; tiến độ thi công chậm so hợp đồng ký kết.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

3.1. Về khách quan

Quá trình triển khai thực hiện một số dự án lớn thuộc nguồn vốn Trung ương, dự án sử dụng vốn ODA phải qua nhiều thủ tục, từ khâu lập chủ trương đầu tư đến quá trình triển khai tổ chức đấu thầu phải chờ ý kiến thông báo, thẩm định từ các Bộ, ngành, Chính phủ hoặc văn bản không phản đối của nhà tài trợ mới triển khai tiếp các thủ tục.

Số lượng dự án năm 2019 nhiều hơn⁸; một số dự án trọng điểm được bố trí kế hoạch năm 2019 cao hơn các năm trước⁹. Vốn chuyển nguồn từ năm 2018

⁷ Hồ sơ mời thầu còn đưa ra một số điều kiện làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu, quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu chưa tuân thủ quy định dẫn đến khiếu nại, kiến nghị phải xử lý làm kéo dài thời gian lựa chọn nhà thầu.

⁸ Số dự án được bố trí kế hoạch năm 2019 là 677 dự án, cao hơn so với năm 2018 là 121 dự án.

⁹ Dự án Hồ nước An Minh năm 2019 bố trí 46.582 triệu đồng (cao hơn là 29.386 triệu đồng); Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất - Kiên Hà giai đoạn 2016-2020 năm 2019 bố trí 100.000 triệu đồng (các năm trước chưa bố trí vốn, dự kiến năm 2020 còn lại 77.586 triệu đồng); Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 -2020 năm 2019 bố trí 47.945 triệu đồng (các năm trước chưa bố trí vốn, dự kiến năm 2020 còn lại 2.055 triệu đồng); Dự án Đầu tư hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc năm 2019 bố trí 270.604 triệu đồng (cao hơn là 231.604 triệu đồng),...

phải tập trung giải ngân còn nhiều (1.348.771 triệu đồng) gây áp lực cho việc giải ngân kế hoạch năm 2019.

Việc xây dựng đơn giá bồi thường gặp nhiều khó khăn do giá tư vấn thấp, số lượng các đơn vị tư vấn tham gia lĩnh vực này không nhiều, dẫn đến việc xây dựng đơn giá bồi thường chậm. Kiến nghị trong đấu thầu tăng, nhất là đối với các công trình trọng điểm, dẫn đến thời gian tổ chức đấu thầu kéo dài.

3.2. Về chủ quan

Được xác định là nguyên nhân chính dẫn đến thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2019 đạt thấp (*trong đây có một số nguyên nhân vẫn chưa được khắc phục theo tinh thần chỉ đạo của Chỉ thị số 06/CT-UBND*), trong đó:

- Một số đơn vị chưa quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, tinh thần trách nhiệm chưa cao; chấp hành chưa nghiêm các chỉ đạo và giải pháp thực hiện của UBND tỉnh; chưa tuân thủ quy trình thủ tục và thời gian theo các văn bản hướng dẫn trong việc xây dựng kế hoạch đầu tư công và phân khai danh mục chi tiết; không thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện; thiếu chủ động hoặc chưa phối hợp tốt với các Sở chuyên ngành để xử lý những khó khăn, vướng mắc; một số BQLDA chưa làm hết trách nhiệm trong điều hành dự án, chưa xây dựng kế hoạch thực hiện tổng thể của dự án và tiến độ thực hiện từng phần việc cụ thể, dẫn đến bị động hoặc thực hiện thiếu đồng bộ. Tâm lý chủ quan của một số chủ đầu tư, đơn vị chỉ tập trung đẩy nhanh tiến độ và giải ngân vốn vào những tháng cuối năm.

- Công tác chuẩn bị đầu tư một số dự án chưa được chú trọng, phải điều chỉnh hồ sơ nhiều lần¹⁰; việc lập hồ sơ thiết kế - dự toán còn chậm, chất lượng hồ sơ chưa đạt yêu cầu.

- Trong công tác giải phóng mặt bằng chưa có sự phối hợp tốt giữa chủ đầu tư với Sở chuyên ngành và UBND cấp huyện, nhất là trong thực hiện các thủ tục bồi thường và giải quyết các vướng mắc phát sinh, khiếu nại,... Sở Tài nguyên và Môi trường chậm tham mưu ban hành quy chế phối hợp trong công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Việc đấu thầu, lựa chọn nhà thầu ở một số gói thầu chưa chặt chẽ, chưa tuân thủ đúng quy trình, thủ tục từ khâu lập hồ sơ mời thầu đến thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, dẫn đến kiến nghị hoặc mất thời gian làm rõ hồ sơ mời thầu. Tỷ lệ đấu thầu qua mạng còn đạt thấp.

- Chậm nghiệm thu khối lượng hoàn thành, lập hồ sơ thanh, quyết toán; chưa kiên quyết xử lý đối với các nhà thầu chậm tiến độ, lập hồ sơ nghiệm thu, thanh, quyết toán, còn đùn đẩy trách nhiệm giữa nhà thầu và BQLDA.

¹⁰ Dự án Trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật và Bảo tồn di sản văn hóa tỉnh Kiên Giang; Dự án Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang (điều chỉnh dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế - dự toán)...

- Công tác giám sát, đánh giá đầu tư thiếu thường xuyên và chưa được các chủ đầu tư chú trọng, từ đó những bất cập, thiếu sót trong thực hiện đầu tư công không được phát hiện, chấn chỉnh và khắc phục kịp thời, làm ảnh hưởng tiến độ.

- Một số chủ đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn, đơn vị thi công năng lực hạn chế (thiếu kinh nghiệm, năng lực thiết bị, tài chính và nhân lực không đúng với hồ sơ trúng thầu; tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thiếu kinh nghiệm) dẫn đến quá trình thi công phải xử lý phát sinh, làm chậm tiến độ thực hiện¹¹.

- Một bộ phận cán bộ, công chức năng lực chuyên môn còn hạn chế, chưa nắm vững các quy định về đầu tư công, đấu thầu, giám sát đánh giá đầu tư,... nên việc thực hiện chậm, nhưng chưa có giải pháp chấn chỉnh hoặc thay thế.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020.

Là năm cuối thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, bên cạnh kế hoạch vốn được giao tăng so với năm 2019, vốn chuyển nguồn và kéo dài sang cũng dẫn đến khối lượng công việc phải thực hiện hoàn thành và thanh toán trong năm sẽ lớn hơn so với năm 2019. Việc tập trung xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và việc thực hiện các quy định theo Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020, tuy nhiên các cơ quan Trung ương chưa ban hành các văn bản quy định hướng dẫn thực hiện) cũng gây mất nhiều thời gian trong việc tổ chức thực hiện. Đồng thời, một số dự án trọng điểm phải triển khai hoàn thành kịp tiến độ để lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp. Để thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch đầu tư công năm 2020¹² và phấn đấu giá trị giải ngân đạt từ 95% trở lên, UBND tỉnh đề ra một số giải pháp trọng tâm để tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

- Biểu dương các tổ chức, cá nhân có thành tích tốt trong triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 (các đơn vị có tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 đạt trên 95% so với kế hoạch vốn giao đầu năm). Bên cạnh đó, phải nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 không đạt kế hoạch đề ra theo Chỉ thị số 06/CT-UBND (so với kế hoạch vốn giao đầu năm) và báo cáo kết quả kiểm điểm về Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các chủ đầu tư; đề ra các giải pháp cụ thể nhằm kịp thời chấn chỉnh, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế trong năm 2019, trường hợp vượt thẩm quyền phải chủ động báo cáo, đề xuất UBND tỉnh hướng giải quyết.

¹¹ Trụ sở làm việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.

¹² Kế hoạch đầu tư công năm 2020 là 6.108.986 triệu đồng bố trí đầu tư cho 468 dự án, bao gồm: Trả nợ 36 dự án (101.843 triệu đồng), chuyển tiếp 323 dự án (4.727.385 triệu đồng) và bố trí mới 109 dự án (2.383.203 triệu đồng), trong đó có 38 dự án trọng điểm (với tổng vốn 2.373.002 triệu đồng).



- Tổ chức lập kế hoạch chi tiết cho từng dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến triển khai thi công, nghiệm thu và thanh quyết toán đảm bảo phù hợp tiến độ chung của dự án và đúng quy định, bao gồm cả phần vốn được phép chuyển nguồn và kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân (phân công rõ nhiệm vụ, tiến độ, báo cáo định kỳ,...). Chấm dứt tình trạng lựa chọn đơn vị tư vấn không có năng lực yếu kém thực hiện không đạt yêu cầu phải chỉnh sửa hồ sơ nhiều lần. Đối với các địa phương khẩn trương ban hành quyết định phân khai danh mục chi tiết các công trình giao thông nông thôn. Chấm dứt trường hợp phê duyệt quyết định đầu tư dự án (hoặc điều chỉnh nếu có) vượt tổng mức đầu tư tại Quyết định chủ trương đầu tư hoặc tăng quy mô, hạng mục khi chưa có Quyết định chủ trương của cấp thẩm quyền.

- Tăng cường công tác phối hợp, ưu tiên nguồn lực đẩy nhanh công tác bồi hoàn, giải phóng mặt bằng¹³. Đặc biệt một số địa phương như Phú Quốc, Châu Thành, An Biên,... có dự án lớn cần có phương án tái định cư.

- Chấn chỉnh và tăng cường thực hiện nghiêm các quy định trong đấu thầu; giải quyết dứt điểm các trường hợp khiếu nại, kiến nghị trong đấu thầu. Tuân thủ nghiêm Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 03/CT-BKHĐT ngày 24/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; chấp hành nghiêm việc đăng ký đấu thầu qua mạng theo Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong năm 2020 toàn bộ (100%) các gói thầu có hình thức lựa chọn nhà thầu là chào hàng cạnh tranh và đấu thầu rộng rãi như sau: Các gói thầu thuộc lĩnh vực mua sắm hàng hóa, phi tư vấn, tư vấn ≤ 5 tỷ đồng, các gói thầu thuộc lĩnh vực xây lắp ≤ 10 tỷ đồng. Đồng thời tỷ lệ số lượng các gói thầu đạt tối thiểu 60% và tỷ lệ tổng giá trị gói thầu đạt tối thiểu 25%.

- Các chủ đầu tư, BQLDA tăng cường công tác họp giao ban định kỳ hàng tháng với các nhà thầu để nắm sát tình hình thực hiện dự án, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc (nếu có). Chỉ đạo thường xuyên thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư; công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, đồng thời chấn chỉnh và nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thẩm định dự án, thiết kế - dự toán. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, quản lý chất lượng công trình, dự án; lập hồ sơ thanh, quyết toán các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng đúng thời gian quy định. Kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những sai phạm theo kết luận thanh, kiểm tra, kiểm toán.

- Tăng cường công tác nghiệm thu từng giai đoạn để giải ngân vốn kịp thời khi có khối lượng hoàn thành, không để dồn việc thanh toán khối lượng hoàn thành tập trung vào cuối năm. Đẩy nhanh công tác quyết toán công trình

¹³ Tổ chức thực hiện theo Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

khi được nghiệm thu đưa vào sử dụng theo đúng thời gian quy định và có biện pháp xử lý nghiêm đối với các đơn vị không quyết toán, quyết toán chậm gây ảnh hưởng đến công tác bố trí kế hoạch vốn. Trường hợp cần thiết để đẩy nhanh việc quyết toán các công trình, dự án còn vướng mắc thì có thể thuê kiểm toán độc lập làm cơ sở để thực hiện thẩm định, quyết toán theo đúng quy định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch năm 2019 sang năm 2020, kể cả kế hoạch năm 2018 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nhưng không sử dụng hết vốn. Hoàn chỉnh nội dung chỉ thị của UBND tỉnh về triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020. Tập trung hướng dẫn các đơn vị hoàn thành việc đăng ký kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Tham mưu UBND tỉnh thành lập Đoàn công tác liên ngành kiểm tra, chấn chỉnh và đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn tỉnh. Tổ chức họp giao ban định kỳ hàng tháng với các đơn vị có tỷ lệ giải ngân thấp để tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các đơn vị. Đối với các trường hợp vượt thẩm quyền phải kịp thời xin ý kiến UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

- Sở Tài chính thường xuyên theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư, UBND cấp huyện tổ chức phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định. Sở Xây dựng khẩn trương tham mưu UBND tỉnh ban hành bộ đơn giá xây dựng theo đúng quy định; kịp thời có phương án tham mưu về quy định chuyển tiếp trong thời gian hoàn thành việc xây dựng bộ đơn giá mới. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên cập nhật kết quả tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2020 lên cổng thông tin điện tử.

Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm nêu trên, UBND tỉnh sẽ ban hành Chỉ thị về triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 để giao nhiệm vụ cụ thể cho từng Sở, ban ngành và địa phương tổ chức thực hiện.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 và một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (tính đến ngày 31/01/2020)./V

Nơi nhận:

- Các Bộ: KH&ĐT, TC
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu VT, dvbang (02b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Minh Phụng



Phụ lục I

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 ĐẾN NGÀY 31/01/2020 - THEO NGUỒN VỐN

(Kèm theo Báo cáo số 52 /BC-UBND ngày 03 /3 /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2019	THTH từ đầu năm đến ngày 31/01/2020		Số vốn còn lại dự kiến kéo dài, chuyển nguồn sang năm 2020		Ghi chú
			Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%)	Số vốn	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	TỔNG SỐ	5.582.561	4.863.563	87,12%	718.998	12,88%	
1	Vốn cân đối ngân sách địa phương, trong đó:	3.683.964	3.158.220	85,73%	525.744	14,27%	
1.1	- Đầu tư trong cân đối ngân sách	1.133.964	1.028.923	90,74%	105.041	9,26%	
1.2	- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.000.000	801.619	80,16%	198.381	19,84%	
1.3	- Vốn đầu tư từ xổ số kiến thiết	1.550.000	1.327.679	85,66%	222.321	14,34%	
2	Vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, trong đó:	1.640.797	1.506.873	91,84%	133.924	8,16%	
2.1	- Vốn trong nước	1.279.765	1.207.437	94,35%	72.328	5,65%	
2.2	- Vốn ngoài nước	361.032	299.435	82,94%	61.597	17,06%	
3	Vốn trái phiếu Chính phủ	257.800	198.470	76,99%	59.330	23,01%	
3.1	- Y tế	257.000	197.799	76,96%	59.201	23,04%	
3.2	- Giáo dục	800	671	83,88%	129	16,13%	




Phụ lục II

TRÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 ĐẾN NGÀY 31/01/2020 - THEO ĐƠN VỊ QUẢN LÝ

(Kèm theo Báo cáo số 52 /BC-UBND ngày 03 / 3 /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch vốn năm 2019 (giao đầu năm)	Kế hoạch vốn năm 2019 (điều chỉnh cuối năm)	Chênh lệch		THTH từ đầu năm đến ngày 31/01/2020			Số vốn còn lại dự kiến kéo dài, chuyển nguồn sang năm 2020	
				Tăng (+)	Giảm (-)	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%) so với KH vốn giao đầu năm	Tỷ lệ (%) so với KH vốn điều chỉnh cuối năm	Số vốn	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	TỔNG CỘNG	5.582.561	5.582.561	838.948	-838.948	4.863.564	87,12%	87,12%	718.997	12,88%
A	CÁC SỞ, BAN NGÀNH	3.248.932	3.053.448	619.130	-814.614	2.604.227	80,16%	85,29%	449.221	14,71%
1	Sở Du lịch	7.000	7.000			7.000	100,00%	100,00%	-	0,00%
2	Trường Cao đẳng Sư phạm	10.000	10.000			10.000	100,00%	100,00%	-	0,00%
3	Sở Giao thông vận tải	436.959	836.131	399.172		834.677	191,02%	99,83%	1.454	0,17%
4	BQL Khu kinh tế tỉnh	141.522	277.230	135.708		276.527	195,39%	99,75%	703	0,25%
5	Trường Cao đẳng Nghề	8.546	9.046	500		8.976	105,04%	99,23%	70	0,77%
6	Hội Liên Hiệp Tổ chức hữu nghị	146	146			144	98,63%	98,63%	2	1,37%
7	Công an tỉnh	23.989	14.684		-9.305	14.176	59,09%	96,54%	508	3,46%
8	Chi cục Quản lý thị trường	1.000	1.000			961	96,10%	96,10%	39	3,90%
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	67.044	67.044			63.369	94,52%	94,52%	3.675	5,48%
10	Sở Khoa học và Công nghệ	6.787	7.492	705		6.913	101,86%	92,27%	579	7,73%
11	Sở Thông tin và Truyền thông	8.260	2.566		-5.694	2.364	28,61%	92,11%	202	7,89%
12	Sở Văn hóa và Thể thao	133.765	66.705		-67.060	60.443	45,19%	90,61%	6.262	9,39%

TT	 Ủy ban Nhân dân Tỉnh Kiên Giang Ủy ban Nhân dân Quận Giang Son	Kế hoạch vốn năm 2019 (giao đầu năm)	Kế hoạch vốn năm 2019 (điều chỉnh cuối năm)	Chênh lệch		THTH từ đầu năm đến ngày 31/01/2020			Số vốn còn lại dự kiến kéo dài, chuyển nguồn sang năm 2020	
				Tăng (+)	Giảm (-)	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%) so với KH vốn giao đầu năm	Tỷ lệ (%) so với KH vốn điều chỉnh cuối năm	Số vốn	Tỷ lệ (%)
(1)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
13	Sở Nông nghiệp & PTNT	732.939	704.357		-28.582	629.913	85,94%	89,43%	74.444	10,57%
14	Sở Nội vụ	1.847	1.847			1.604	86,86%	86,86%	243	13,14%
15	Sở Lao động - TB&XH	56.195	40.497		-15.698	35.051	62,37%	86,55%	5.446	13,45%
16	TT nước sạch và VSMT nông thôn	44.511	125.927	81.416		108.743	244,31%	86,35%	17.184	13,65%
17	Trường Cao đẳng KTKT	10.000	10.000			8.635	86,35%	86,35%	1.365	13,65%
18	Trường Cao đẳng Cộng đồng	9.703	1.130		-8.573	933	9,61%	82,56%	197	17,44%
19	Văn phòng Tỉnh ủy	85.795	82.988		-2.807	61.490	71,67%	74,10%	21.498	25,90%
20	Văn phòng UBND tỉnh	2.157	2.157			1.598	74,09%	74,09%	559	25,91%
21	Vườn Quốc gia U Minh Thượng	50.000	32.000		-18.000	21.695	43,39%	67,80%	10.305	32,20%
22	Ban Dân tộc	17.961	15.727		-2.234	10.546	58,71%	67,05%	5.181	32,95%
23	Sở Y tế	1.109.595	525.346		-584.249	345.165	31,11%	65,70%	180.181	34,30%
24	BCH Bộ đội Biên phòng	13.015	12.990		-25	7.927	60,91%	61,02%	5.063	38,98%
25	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10.000	828		-9.172	464	4,64%	55,98%	364	44,02%
26	BCH Quân sự tỉnh	85.050	84.621		-429	45.981	54,06%	54,34%	38.640	45,66%
27	Sở Tư pháp	3.000	3.000			1.590	53,00%	53,00%	1.410	47,00%
28	Ban thực hiện Dự án phát triển cơ sở hạ tầng Du lịch (GMS)	32.205	2.705		-29.500	1.409	4,37%	52,07%	1.296	47,93%
29	Sở Công Thương	-	1.629	1.629		734	0,00%	45,05%	895	54,95%
30	Sở Tài nguyên và Môi trường	81.621	81.621			28.061	34,38%	34,38%	53.560	65,62%

TT	Khu vực phân bổ	Kế hoạch vốn năm 2019 (giao đầu năm)	Kế hoạch vốn năm 2019 (điều chỉnh cuối năm)	Chênh lệch		THTH từ đầu năm đến ngày 31/01/2020			Số vốn còn lại dự kiến kéo dài, chuyển nguồn sang năm 2020	
				Tăng (+)	Giảm (-)	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%) so với KH vốn giao đầu năm	Tỷ lệ (%) so với KH vốn điều chỉnh cuối năm	Số vốn	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
31	Vườn Quốc gia Phú Quốc	30.000	25.000		-5.000	7.138	23,79%	28,55%	17.862	71,45%
32	Chưa giao danh mục	28.320	34		-28.286	-	-	-	34	100,00%
B	CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ	2.333.629	2.529.113	219.818	-24.334	2.259.337	96,82%	89,33%	269.776	10,67%
1	Huyện Châu Thành	123.971	100.971		-23.000	96.560	77,89%	95,63%	4.411	4,37%
2	Huyện Giang Thành	96.089	116.503	20.414		110.556	115,06%	94,90%	5.947	5,10%
3	Huyện An Minh	137.641	176.337	38.696		166.064	120,65%	94,17%	10.273	5,83%
4	Huyện An Biên	86.311	95.122	8.811		88.526	102,57%	93,07%	6.596	6,93%
5	Thành phố Hà Tiên	129.940	148.940	19.000		136.306	104,90%	91,52%	12.634	8,48%
6	Huyện Vĩnh Thuận	76.337	88.311	11.974		80.709	105,73%	91,39%	7.602	8,61%
7	Huyện Hòn Đất	60.071	75.721	15.650		68.298	113,70%	90,20%	7.423	9,80%
8	Huyện Giồng Riềng	115.401	139.275	23.874		124.809	108,15%	89,61%	14.466	10,39%
9	Huyện Kiên Hải	68.000	105.845	37.845		94.637	139,17%	89,41%	11.208	10,59%
10	Huyện Phú Quốc	828.938	837.809	8.871		740.387	89,32%	88,37%	97.422	11,63%
11	Huyện Tân Hiệp	83.919	94.600	10.681		83.298	99,26%	88,05%	11.302	11,95%
12	Huyện U Minh Thượng	92.318	97.168	4.850		84.651	91,70%	87,12%	12.517	12,88%
13	Thành phố Rạch Giá	253.688	271.544	17.856		232.330	91,58%	85,56%	39.214	14,44%
14	Huyện Gò Quao	121.002	122.298	1.296		103.605	85,62%	84,71%	18.693	15,29%
15	Huyện Kiên Lương	60.003	58.669		-1.334	48.601	81,00%	82,84%	10.068	17,16%



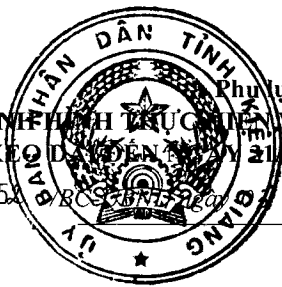
Phụ lục III

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG
NĂM 2018 KÉO DÀI ĐẾN NGÀY 31/12/2019 - THEO NGUỒN VỐN**

Báo cáo số 52 /BC-UBND ngày 03 /3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2018 kéo dài	THTH từ đầu năm đến ngày 31/12/2019		Vốn còn lại đến ngày 31/12/2019		Ghi chú
			Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%)	Số vốn	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	TỔNG SỐ	1.348.771	1.148.156	85,13%	200.615	14,87%	
1	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	102.675	67.070	65,32%	35.604	34,68%	
2	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	383.111	367.069	95,81%	16.042	4,19%	
3	Tăng thu xổ số kiến thiết	1.154	1.050	90,99%	104	9,01%	
4	Nguồn vốn sử dụng vốn quỹ đất	207.201	119.096	57,48%	88.105	42,52%	
5	Vốn ngoài nước	14.323	7.236	50,52%	7.086	49,48%	
6	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu	91.903	74.726	81,31%	17.176	18,69%	
7	Nguồn vốn chương trình mục tiêu Quốc gia (ĐTPT)	16.707	9.933	59,45%	6.774	40,55%	
8	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ	531.697	501.974	94,41%	29.723	5,59%	



Phụ lục IV
**BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TRỰC TIẾP VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG
 NĂM 2018 KÉO DÀI ĐẾN NGÀY 31/12/2019 - THEO ĐƠN VỊ QUẢN LÝ**

(Kèm theo Báo cáo số 52/BCSG-BNL/2020 ngày 13/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch vốn năm 2018 kéo dài	Đến ngày 31/12/2019		Vốn còn lại đến 31/12/2019	Ghi chú
			Giải ngân	Tỷ lệ (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG CỘNG	1.348.771	1.148.155	85,13%	200.616	
A	CÁC SỞ, BAN NGÀNH	1.156.597	1.028.550	88,93%	128.047	
1	Sở Khoa học và Công nghệ	786	786	100%	-	
2	Chi cục Quản lý thị trường	30	30	100%	-	
3	Trường Cao đẳng Sư phạm	872	872	100%	-	
4	Sở Y tế	744.085	742.523	100%	1.563	
5	Đài Phát thanh Truyền hình	11.589	11.470	99%	119	
6	BQL Khu kinh tế tỉnh	15.260	14.959	98%	301	
7	BCH Bộ đội Biên phòng	4.208	4.028	96%	180	
8	TT nước sạch và VSMT nông thôn	6.375	5.691	89%	683	
9	Ban Dân tộc	1.306	1.097	84%	209	
10	Sở Nông nghiệp & PTNT	33.606	27.536	82%	6.070	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	53.789	43.074	80%	10.715	
12	Sở Giao thông vận tải	97.501	73.174	75%	24.327	
13	Sở Lao động - TB&XH	9.481	7.076	75%	2.405	
14	Trung tâm xúc tiến đầu tư TM và du lịch	930	613	66%	317	
15	Văn phòng Tỉnh ủy	763	500	65%	264	
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	87.035	52.932	61%	34.103	
17	Ban thực hiện Dự án phát triển cơ sở hạ tầng Du lịch (GMS)	18.411	10.686	58%	7.726	
18	BCH Quân sự tỉnh	52.340	27.801	53%	24.539	
19	Sở Văn hóa và Thể thao	9.981	3.448	35%	6.533	
20	Văn phòng UBND tỉnh	1.923	254	13%	1.669	
21	Chưa giao danh mục	4.560	-	0%	4.560	
22	Hội Liên hiệp Hữu nghị	1.763	-	0%	1.763	
B	CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ	192.174	119.605	62,24%	72.569	
1	Huyện Giang Thành	860	840	97,67%	20	
2	Huyện Gò Quao	17.254	16.137	93,53%	1.117	
3	Huyện Vĩnh Thuận	4.120	3.726	90,43%	394	
4	Huyện U Minh Thượng	2.997	2.615	87,25%	382	
5	Huyện An Minh	13.537	11.342	83,78%	2.195	
6	Huyện An Biên	9.030	7.294	80,78%	1.736	
7	Huyện Giồng Riềng	2.547	2.042	80,19%	505	



TT	Kế hoạch vốn năm 2018 kéo dài	Đến ngày 31/12/2019		Vốn còn lại đến 31/12/2019	Ghi chú
		Giải ngân	Tỷ lệ (%)		
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8	Huyện Hòa Đa	8.115	6.222	76,67%	1.893
9	Huyện Châu Thành	2.607	1.983	76,08%	624
10	Huyện Kiên Lương	5.310	3.787	71,33%	1.522
11	Huyện Kiên Hải	3.773	2.607	69,09%	1.166
12	Thành phố Hà Tiên	374	250	66,88%	124
13	Huyện Tân Hiệp	13.105	8.740	66,69%	4.365
14	Thành phố Rạch Giá	2.514	1.624	64,60%	890
15	Huyện Phú Quốc	106.033	50.396	47,53%	55.637



Phụ lục V

TỔNG PHỤ LỤC CÁC DỰ ÁN TRIỂN KHAI CHẠM THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Số báo số 52 /BC-UBND ngày 03 / 3 /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2019		Ghi chú
			Đầu năm	Điều chỉnh	Đã giải ngân	Còn lại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG SỐ		878.888	492.765	30.500	462.265	
I	Dự án đang điều chỉnh chủ trương, điều chỉnh dự án		46.703	2.130	933	1.197	
	CHÂU THÀNH						
1	Đường Kênh Đòn Dong	59.790	32.500	500	-	500	Xin chủ trương điều chỉnh tăng quy mô, tăng TMĐT
	HÀ TIÊN						
2	Hệ thống xử lý nước thải xã đảo Tiên Hải	5.000	4.500	500	-	500	Đang thẩm tra hồ sơ
	TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIÊN GIANG						
3	Trường Cao đẳng Cộng đồng Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	48.200	9.703	1.130	933	197	Đang trình điều chỉnh dự án. Dự kiến trình phê duyệt thiết kế BVTC trong tháng 04/2020, đấu thầu xây lắp trong quý III/2020.
II	Dự án đang phê duyệt thiết kế - dự toán		361.621	362.782	-	362.782	
	Y TẾ						
1	BVĐK tỉnh Kiên Giang - quy mô 1020 giường						
	Gói thầu số 33: Hệ thống cây xanh toàn khu	16.383	16.383	16.383	-	16.383	Đang trình phê duyệt TK-DT, dự kiến đấu thầu trong năm 2020
	Gói số 66.2: Cung cấp và lắp đặt thiết bị bàn ghế đồ gỗ, nội thất	37.268	37.268	37.268	-	37.268	
	Gói thầu số 64.2: Thiết bị giường Y tế	50.460	50.460	50.460	-	50.460	
	Gói thầu số 63: Cung cấp và lắp đặt TB xét nghiệm	116.246	116.246	116.246	-	116.246	Đang chờ Sở Y tế có ý kiến thỏa thuận cấu hình thiết bị

TT	Dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2019		Ghi chú
			Đầu năm	Điều chỉnh	Đã giải ngân	Còn lại	
(1)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Gói thầu số 64.1: Cung cấp và lắp đặt TB liên chuyên khoa (Mắt, Tai, Mũi, Họng, KSNH, Cấp cứu, Thận nhân tạo)	136.265	136.265	136.265	-	136.265	Đang chờ kết quả thẩm định giá để phát hành HSMT.
2	Bệnh viện Sản nhi Kiên Giang						
	Gói thầu số 39: Phần 2: Bộ chữ, bảng hướng dẫn tên phòng; Phần 3: Thiết bị nhà bếp.	5.000	5.000	6.161	-	6.161	Đang trình phê duyệt TK-DT, dự kiến đấu thầu trong năm 2020
III	Dự án đang đấu thầu		194.660	35.599	3.313	32.286	
	Y TẾ						
1	BVĐK tỉnh Kiên Giang - quy mô 1020 giường						
	Gói thầu số 65.2: Cung cấp TB chuyên dùng khác (xe cứu thương, xe rác và xe ô tô 7 chỗ)	21.312	21.312	21.312	-	21.312	Đã có kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật, đang thông qua tổ giám sát đấu thầu.
	Gói thầu số 66.1: Cung cấp và lắp đặt thiết bị tin học và thiết bị thông thường	5.187	5.187	5.187	-	5.187	Đang lập hồ sơ mời thầu.
2	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường						
	Gói thầu số 1: Xây dựng Khối nhà chính cao 7 tầng; Trung tâm năng lượng cao 2 tầng; hành lang xung quanh; phần điện; phần nước; phần phòng chống môi	606.241	30.000	5.000	2.655	2.345	Đã mở thầu, đang đánh giá HSDT
	Gói thầu số 2: Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị gói thầu số 01	5.641	5.641	-	-	-	
	Gói thầu số 3: Thí nghiệm nén tĩnh dọc trục cọc gói thầu số 1	550	550	-	-	-	Đang trình điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu để đấu thầu lại, do sau khi phát hành HSMT không có nhà thầu dự.
	LAO ĐỘNG						
3	Nghĩa trang liệt sĩ Cây Bàng	10.736	3.000	3.000	658	2.342	Đang trình kế hoạch LCNT



TT	Dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2019		Ghi chú
			Đầu năm	Điều chỉnh	Đã giải ngân	Còn lại	
(1)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4	Khu tái định cư xã Bãi Thơm (19,9ha)	243.000	128.970	1.100	-	1.100	Đang đấu thầu tư vấn thiết kế BVTC. Dự kiến đấu thầu xây lắp trong quý II/2020.
IV	Dự án vường bồi hoàn giải phóng mặt bằng		193.140	9.490	82	9.408	
	KIÊN GIANG						
1	Đường Đồi Thơ giai đoạn 2, hạng mục: Xây dựng mới	5.000	5.000	5.000	-	5.000	Huyện đề nghị trả vốn
2	Trung tâm Văn hóa Thể thao xã An Sơn	2.000	1.100	600	82	518	Đề nghị giảm vốn
	PHÚ QUỐC						
3	Khu tái định cư xã Hàm Ninh (13,1ha)	288.000	155.270	700	-	700	Dự kiến quý III/2020 GPMB, quý IV/2020 triển khai thi công.
4	Đường số 12 (Bà Kèo - Cửa Lấp)	14.700	1.630	50	-	50	Vường giải phóng mặt bằng.
5	Đường thị trấn Dương Đông - Khu du lịch Đá Bàn	150.000	30.140	3.140	-	3.140	Dự kiến quý III/2020 giải phóng xong mặt bằng.
V	Dự án vường mắc khác		82.764	82.764	26.172	56.592	
	Y TẾ						
1	BVĐK tỉnh Kiên Giang - quy mô 1020 giường						
	Gói thầu: Hành lang nổi (từ Bệnh viện Đa khoa qua Sân Nhì), nhà khí Nitơ	2.365	2.365	2.365	-	2.365	Không thực hiện
2	Bệnh viện Tâm thần						
	Gói thầu số 28-Phần 1: Máy phát điện dự phòng	3.899	3.899	3.899	-	3.899	Không thực hiện
	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG						
3	Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai	755.022	76.500	76.500	26.172	50.328	Tập trung thanh toán vốn chuyên nguồn và kéo dài năm 2018, nhà thầu làm hồ sơ thanh toán chậm